

Tân Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 769/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lai Minh N, sinh năm 1995

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Hoàng Phương V, sinh năm 1996

Thường trú: đường C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tam trú: đường G, phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Ông Lại Minh N và bà Nguyễn Hoàng Phương V tự nguyện chung sống vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2017, cấp ngày 10/01/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà V hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông N và bà V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài nhưng không giải quyết được nên hai bên không còn sống chung. Hiện nay, ông N và bà V xác định tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa đôi bên là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về các vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông N và bà V nộp theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lại Minh N và bà Nguyễn Hoàng Phương V thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông N và bà V nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông N và bà V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038954 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- UBND Phường B, quận T, TPHCM:
(để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2017,
cấp ngày 10/01/2017;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương